TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28/6/2021
Về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Phước;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ông N.T.M**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số , ấp T, thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có mặt).

** Bị đơn:* **Bà L.T.B.N,** sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số , ấp T, thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông N.T.M trình bày như sau*: Ông và bà L.T.B.N chung

sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới, hôn nhân do mai mối, lần thứ nhất, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 24/10/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2011 tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, sau đó bà N dẫn con về nhà mẹ ruột ở tới nay. Từ khi ly thân tới nay, bà N không tới lui thăm nom, quan tâm ông. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông có 01 con chung tên N.T.T.Th, sinh ngày 26/4/2010, hiện nay đang sống với bà N. Nếu được ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ bà N đến để tiến hành hòa giải nhưng bà N vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông M.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Ông M được ly hôn bà N. Về con chung: Giao cháu N.T.T.Th cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông M không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Ông M yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà L.T.B.N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông M và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 24/10/2009 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng ông M và bà N phát sinh mâu thuẫn, ông M xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, ông M cho rằng do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Bà N tự ý bỏ nhà đi từ năm 2011 nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó tới nay. Tòa án đã triệu tập bà N để tham gia phiên hòa giải nhưng bà N vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Xét thấy, hôn nhân giữa ông M và bà N thực tế đã không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông M được ly hôn với bà N.

[2.2] Về con chung:

Ông M xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà có 01 con chung tên N.T.T.Th, sinh ngày 26/4/2010, hiện nay đang sinh sống với bà N. Xét thấy, cháu Th hiện nay đang sống với bà N và ông M cũng đồng ý giao cháu Th cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Th, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Th, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Th cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà N không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con và ông M cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà N phải tạo điều kiện cho ông M được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông M không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa ông M và bà N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.T.M.

* Về hôn nhân: Ông N.T.M được ly hôn với bà L.T.B.N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 1, ngày 24/10/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn cấp cho ông N.T.M và bà L.T.B.N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 28/6/2021.

* Về con chung: Giao cháu N.T.T.Th, sinh ngày 26/4/2010 cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Ông N.T.M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008256 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà L.T.B.N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Phú Hòa;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Vân